

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4590/GPMT-UBND

Hải Phòng, ngày 14 tháng 11 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực môi trường và biến đổi khí hậu;

Xét Văn bản số 21.10/CV-CT ngày 21 tháng 10 năm 2025 của Công ty TNHH Đại Kim Sơn HD về việc đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của “Chợ dân sinh và Trung tâm thương mại An Lưu, phường An Lưu, thị xã Kinh Môn” (nay là phường Kinh Môn, thành phố Hải Phòng) và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 703/TTr-SNNMT ngày 05 tháng 11 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Đại Kim Sơn HD, địa chỉ tại Khu Bích Nhôi 2, phường Nhị Chiểu, thành phố Hải Phòng được thực hiện các hoạt



động bảo vệ môi trường của dự án Chợ dân sinh và Trung tâm thương mại An Lưu tại phường An Lưu, thị xã Kinh Môn (nay là phường Kinh Môn, thành phố Hải Phòng) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

- 1.1. Tên cơ sở: Chợ dân sinh và Trung tâm thương mại An Lưu.
- 1.2. Địa điểm hoạt động: phường Kinh Môn, thành phố Hải Phòng.
- 1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên, mã số 0801374991 do phòng Đăng ký kinh doanh và quản lý doanh nghiệp, Sở Tài chính thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký lần đầu ngày 26/03/2022, đăng ký thay đổi lần thứ 3, ngày 29/07/2025; Quyết định số 1645/QĐ-UBND ngày 23/5/2025 của UBND tỉnh Hải Dương về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện Dự án Chợ dân Sinh và Trung tâm thương mại An Lưu, phường An Lưu, thị xã Kinh Môn.

1.4. Mã số thuế: 0801374991.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chợ dân sinh và Trung tâm thương mại.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Diện tích sử dụng đất: 23.993,2 m².
- Nhóm Dự án: Nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).
- Dự án có tiêu chí về môi trường tương đương với Dự án đầu tư Nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.
- Quy mô: Đất thương mại - Chợ dân sinh: 3.887,52 m²; đất thương mại: 8.526,98 m²; đất cây xanh cảnh quan: 950,08 m²; đất hạ tầng kỹ thuật: 368,69 m²; đất giao thông và bãi đỗ xe: 10.259,93 m².

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường được quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Đại Kim Sơn HD.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Đại Kim Sơn HD có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày 14 tháng 11 năm 2035).

Điều 4. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật. /.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch, PCT TT Lê Anh Quân;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND phường Kinh Môn;
- CVP, PCVP P.A.Tuấn;
- Công ty TNHH Đại Kim Sơn HD;
- Cổng Thông tin điện tử TP (để đăng tải GP);
- Lưu: VT, N.X.Thành.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Anh Quân



Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...4590.../GPMT-UBND
ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ khu đất thương mại.
- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ ban quản lý chợ.
- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh chung của chợ.

2. Dòng nước xả thải vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, lưu lượng 140 m³/ngày đêm.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Sông Kinh Thầy thuộc phường Kinh Môn, thành phố Hải Phòng.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí xả thải: Sông Kinh Thầy thuộc phường Kinh Môn, thành phố Hải Phòng.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°45' múi chiều 3°): X(m) = 2321840; Y(m) = 583998.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 140 m³/ngày đêm.

2.4. Phương thức xả nước thải

- Nước thải sau xử lý được xả theo phương thức tự chảy
- Hình thức xả: Xả mặt, xả vào Sông Kinh Thầy thuộc phường Kinh Môn, thành phố Hải Phòng.

2.5. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ).

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (cột A), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6 - 9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅ ở 20°C)	mg/l	≤ 25		



3	Nhu cầu ôxy hóa học (COD)	mg/l	≤ 80		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	≤ 35		
5	Amoni (N-NH ₄ ⁺), tính theo N	mg/l	≤ 4		
6	Tổng Nito (T-N)	mg/l	≤ 25		
7	Tổng Phốt pho (T-P)	mg/l	$\leq 2,5$		
8	Tổng Coliform	MPN/ 100ml	≤ 3.000		
9	Sunfua (S ²⁻)	mg/l	$\leq 0,2$		
10	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	≤ 10		
11	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/l	≤ 3		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có)

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Hệ thống thu gom, xử lý nước thải được thiết kế riêng biệt, độc lập với hệ thống thoát nước mưa.

- Các tuyến cống thu gom nước thải được bố trí theo 2 tuyến thu nước đi vào trạm xử lý, cụ thể:

+ Tuyến 1: Các đường ống thu gom nước thải từ khu vực chợ dân sinh, ban quản lý chợ, nhà vệ sinh tại chợ về trạm xử lý, đường ống BTCT D300 dài 78m.

+ Tuyến 2: Các đường ống thu gom nước thải của từ các công trình thương mại về trạm xử lý, đường ống BTCT D300 dài 163 m; D400 dài 169m; rãnh B300 dài 317m.

+ Thực hiện lắp đặt, bổ sung hệ thống thu gom nước thải bằng đường ống nhựa HDPE/uPVC lồng trong cống thoát nước thải BTCT trong thời gian xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nước thải sau xử lý được thu gom bằng đường ống PVC D110 dài 28m ra sông Kinh Thầy.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Bể phốt: có 79 bể (các lô thương mại 78 bể; khu vực chợ 01 bể).

- Bể tách mỡ: 01 bể tại khu vực chợ.

- 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải phát sinh (sau khi xử lý sơ bộ bằng bể phốt, bể tách mỡ) → Bể thu gom → Bể tách váng → Bể điều hòa → Bể kỵ khí UASB → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể trung gian → Lọc

áp lực → Bể khử trùng → Sông Kinh Thầy thuộc phường Kinh Môn, thành phố Hải Phòng.

+ Công suất thiết kế: 140 m³/ngày đêm.

+ Thông số kỹ thuật:

TT	Tên bể	Kích thước (m)	Số lượng	Thể tích (m ³)
1	Bể thu gom	2,3 x 1,0 x 2,5	01	5,75
2	Bể tách váng	4,4 x 1,1 x 3,8	01	18,392
3	Bể điều hòa	4,7 x 3,4 x 3,8	01	60,724
4	Bể kỵ khí UASB	3,6 x 3,6 x 3,8	01	49,248
5	Bể thiếu khí	4,8 x 2,1 x 3,8	01	38,304
6	Bể hiếu khí	7 x 2,7 x 3,8	01	71,82
7	Bể lắng	3,1 x 3,1 x 3,8	01	36,518
8	Bể trung gian	3,1 x 2 x 3,8	01	23,56
9	Tháp lọc áp lực	D x H = 800 x 1850 mm	01	0,9
10	Bể khử trùng	3,1 x 1,5 x 3,8	01	17,67
11	Bể chứa bùn	4,7 x 1,9 x 3,8	01	33,934

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Javel, NaOH, H₂SO₄, cơ chất.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Công trình xử lý nước thải không thuộc đối tượng phải lắp đặt theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Bố trí nguồn lực để quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải và ghi chép đầy đủ nhật ký vận hành.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý nước thải.

- Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Đảm bảo vận hành và thực hiện bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý nước thải, tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình vận hành đã xây dựng.

- Khi hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố, trong quá trình sửa chữa khắc phục sự cố sẽ không xả nước thải chưa qua xử lý ra môi trường. Nước thải từ các nguồn phát sinh được lưu giữ tạm thời tại các bể của hệ thống. Khi sự cố của hệ thống xử lý nước thải không thể khắc phục được ngay và các bể không còn



khả năng lưu chứa thì sẽ thuê đơn vị có chức năng đến thu gom nước thải từ các bể đi xử lý theo quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Tối đa 06 tháng (từ 30/12/2025-30/6/2026).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 140 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 điểm (01 điểm tại bể gom và 01 điểm tại vị trí xả nước thải sau xử lý).

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung được cấp phép tại Mục 2.6 Phần A phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

- Mẫu nước thải trước xử lý trong giai đoạn vận hành ổn định: 01 lần/ngày (lấy 1 ngày, mẫu đơn).

- Mẫu nước thải sau xử lý lấy tại vị trí xả nước thải ra môi trường trong giai đoạn vận hành ổn định: 01 lần/ngày (lấy 3 ngày liên tiếp, mẫu đơn).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh của dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.6 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án cho Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty TNHH Đại Kim Sơn HD có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (được sửa đổi bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ).

3.3. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc chất thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm 20 ngày.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của dự án.

3.6. Trong quá trình xả thải vào nguồn tiếp nhận, nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nguồn tiếp nhận, chủ dự án phải báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng, Sở Nông nghiệp và Môi trường.

3.7. Chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường.



Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 4590/GPMT-UBND
ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý mùi của hệ thống xử lý nước thải.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải ra môi trường

2.1. Dòng khí thải

- Ống thải của hệ thống xử lý mùi từ hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2.2. Vị trí xả khí thải: Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên hệ thống xử lý nước thải tập trung, tọa độ vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, vĩ độ 3°): X(m): 2321830; Y(m): 583990.

2.2. Lưu lượng xả khí thải ra môi trường lớn nhất: 800 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải ra môi trường: liên tục.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường: Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp QCVN 19:2024/BTNMT cột B, cụ thể như sau.

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /h	800	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Metyl mercaptan (CH ₃ SH)	mg/Nm ³	≤12		
3	Hydro sunphua (H ₂ S)	mg/Nm ³	≤7		
4	Amoniac (NH ₃)	mg/Nm ³	≤20		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:



Khí thải (mùi) phát sinh từ các khu vực (bể thu gom, bể tách váng, bể điều hòa, bể kỵ khí, bể thiếu khí, bể hiếu khí, bể chứa bùn) của Trạm xử lý nước thải tập trung theo các lỗ thông hơi dẫn vào đường ống thu gom uPVC D160, dài 8 m và nhờ quạt hút công suất 0,37kW để thu gom về hệ thống xử lý khí thải trước khi xả ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: khí thải → Đường ống thu gom → Quạt hút → Thiết bị xử lý khí thải tháp hấp phụ → Ống thoát khí.

- Số lượng: 800m³/giờ.

- Thông số kỹ thuật: Đường ống thu gom (01 hệ thống: uPVC D160, tổng chiều dài 8 m); tháp xử lý (01 cái; kích thước $D \times H = 1m \times 2,2m$; vật liệu thép sơn chống gỉ; lớp than hoạt tính chiều dày 200mm); quạt hút (01 cái; công suất 0,37kW; lưu lượng 600-800m³/giờ; áp suất 600-400 Pa); ống thải (01 cái; kích thước D160; dài 1m).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của các hệ thống xử lý khí thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với các hệ thống xử lý khí thải.

- Trang bị các thiết bị dự phòng cho các hệ thống xử lý khí thải như quạt hút, van an toàn. Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Thường xuyên kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của các hệ thống xử lý khí thải đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định.

- Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng sản xuất cho tới khi khắc phục được sự cố, bảo đảm không được gây ô nhiễm môi trường không khí.

- Đối với sự cố lớn, thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Tối đa 06 tháng (từ 30/12/2025-30/06/2026).

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: 01 hệ thống xử lý mùi của hệ thống xử lý nước thải.

2.2.1. *Vị trí lấy mẫu*: Trên ống thải của hệ thống xử lý khí thải. Tọa độ theo bảng thông kê mục tại mục 2.1 của Phần A Phụ lục này.

2.2.2. *Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm*: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này.

2.2.3. *Tần suất lấy mẫu*: Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (*được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*), cụ thể như sau: Ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

3.4. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm cho công trình xử lý khí thải của dự án cho Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ít nhất 20 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát.

3.5. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (*được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ*).

3.6. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc chất thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm 20 ngày.

3.7. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để vận hành thường xuyên, hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.7. Công ty TNHH Đại Kim Sơn HD chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép môi trường này ra môi trường.



Phụ lục 3

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...4590/GPMT-UBND
ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Máy thổi khí tại hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường
QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn				

2.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dB)	Từ 21-6 giờ (dB)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường
QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung				

Ghi chú: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027, giá trị giới hạn cho phép tiếng ồn, độ rung phải đáp ứng quy định tại QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (ban hành kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BNNMT ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về Ban hành 03 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường không khí xung quanh).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng máy thổi khí để đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn.

- Trồng dải cây xanh cách ly giữa hệ thống xử lý nước thải với các khu vực xung quanh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị (khi xuống cấp) có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định.

2.3. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.



Phụ lục 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 4590/GPMT-UBND
ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại
1	Pin, ắc quy thải	Rắn	30	16 01 12	NH
2	Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại)	Rắn	70	19 02 06	NH
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	20	16 01 06	NH
4	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử	Rắn	40	16 01 13	NH
5	Bao bì mềm thải dính nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	15	18 01 01	KS
6	Bao bì nhựa cứng thải	Rắn	15	18 01 03	KS
7	Giẻ lau, găng tay dính nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	20	18 02 01	KS
8	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	500	12 01 04	NH
	Tổng		710		



1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung	Bùn	122.640	12 06 13	TT
2	Bùn thải từ các hố ga thu gom nước thải, nước mưa	Bùn	6.000	-	TT

3	Chất thải từ quá trình xử lý nước thải sinh hoạt (cát, thạch anh thải)	Rắn	1000	-	TT
4	Than hoạt tính thải bỏ từ quá trình xử lý nước thải	Rắn	500	12 10 04	TT
5	Hộp chứa mực in (loại không có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực như mực in văn phòng, sách báo)	Rắn	100	08 02 08	TT
6	Hỗn hợp dầu mỡ thải và chất béo (dầu ăn, mỡ động vật) từ quá trình phân tách dầu/nước	Bùn	1000	12 06 11	TT
7	Bao bì nhựa thải	Rắn	1500	18 01 06	TT-R
8	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	Rắn	500	18 01 05	TT-R
	Tổng		133.240		

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 378 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Bố trí các thùng kín tại khu vực công cộng để người dân bỏ chất thải nguy hại là các cục pin, ắc quy, các thiết bị điện tử hỏng.

- Trang bị các thùng chứa, mỗi thùng có dung tích 10-50 lít làm bằng nhựa HDPE có nắp đậy kín tại nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải. Trên mỗi thùng có kí hiệu cảnh báo nguy hiểm, hình ảnh và tên các loại chất thải nguy hại.

- Khu lưu chứa chất thải nguy hại: bố trí 01 khu vực chứa CTNH có diện tích 05m². Khu vực chứa CTNH đặt tại nhà điều hành của hệ thống xử lý nước thải (diện tích 31,6 m²). Khu lưu chứa có tường xây gạch, mái đổ BTCT, nền BTCT có lớp chống thấm, có cửa ra vào kiểm soát, có biển dấu hiệu cảnh báo.

- Chất thải nguy hại được phân loại tại nguồn, thu gom vào các thiết bị lưu chứa riêng biệt có dán mã chất thải của từng loại chất thải khác nhau, tập kết về kho chứa để lưu giữ và định kỳ chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường: được lưu trữ tại khu vực tập kết có diện tích 3 m²; kết cấu khung thép, mái lợp tôn, nền BTCT.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường được phân loại tại nguồn, tập kết

về khu vực chứa để lưu giữ và định kỳ chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa:

+ Tại khu công viên cây xanh, sân đường nội bộ bố trí các thùng rác phân loại có nắp đậy, dán nhãn và màu khác biệt, đặt để thu gom phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, gồm 03 loại: rác thải thực phẩm; rác thải có khả năng tái sử dụng, tái chế; rác thải sinh hoạt khác theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường và quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Cuối ngày tổ vệ sinh môi trường của chợ thu gom rác vào xe đẩy và đưa về khu vực tập kết.

+ Tại mỗi kios bán hàng: Trang bị các thùng chứa rác có dung tích 5-10 lít. Cuối ngày tổ vệ sinh môi trường của chợ thu gom rác vào xe đẩy và đưa về khu vực tập kết.

+ Tại khu tập kết rác trang bị 02 xe đẩy 500 lít để chứa rác. Rác thải được đơn vị môi trường địa phương thu gom hàng ngày.

- Khu vực lưu chứa: diện tích 7,61 m² trong khu vực tập kết rác 10,61 m²; kết cấu khung thép, mái lợp tôn, nền BTCT. Chất thải rắn sinh hoạt phải được phân loại tại nguồn, thu gom vào các thiết bị lưu chứa và tập kết về khu vực tập kết, chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

2.4. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải khác

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung và bùn thải từ các hố ga thu gom nước thải, nước mưa; hỗn hợp dầu mỡ từ bể tách mỡ được hút trực tiếp từ nguồn phát sinh và chuyển giao đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Bùn thải từ hệ thống tiêu thoát nước mưa, nước thải được phân định, chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định của Quyết định số 60/2023/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108

Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải theo quy định tại Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.



Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **4590**./GPMT-UBND
ngày **14** tháng **11** năm **2025** của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Vận hành hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt đảm bảo nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (cột A, bảng 1).

3. Vận hành hệ thống xử lý khí thải đảm bảo khí thải sau xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp QCVN 19:2024/BTNMT mức B.

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm

2022 của Chính phủ.

7. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

8. Chủ Dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu sử dụng trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

9. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./